

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN – NHI TỈNH QUẢNG NAM



THỜI GIAN THỰC HIỆN: 2019-2021.

ĐƠN VỊ LẬP: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN - NHI TỈNH QUẢNG NAM.

Tháng 7 Năm 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN.....	4
II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN	4
1. Sự cần thiết đầu tư:	4
2. Mục tiêu, quy mô địa điểm, phạm vi đầu tư:.....	11
2.1. Mục tiêu:.....	11
2.2. Quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:	11
3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cơ cấu nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:.....	14
3.1. Cơ sở lập tổng mức đầu tư:	14
3.2. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:.....	15
3.3. Nguồn vốn cho dự án:	15
3.4. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công:.....	15
4. Tiến độ thực hiện và khả năng huy động các nguồn lực.	16
4.1. Tiến độ thực hiện:.....	16
4.2. Khả năng huy động các nguồn lực:	16
5. Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:.....	16
5.1. Chi phí quản lý:	16
5.2. Chi phí điện nước:	16
5.3. Chi phí bảo trì, bảo dưỡng:.....	16
6. Tác động về môi trường, xã hội, hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội:	16
6.1. Tác động về môi trường, xã hội:	16
6.2. Hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội:.....	17
7. Giải pháp tổ chức thực hiện:	17
7.1. Phương thức thực hiện:	17
7.2. Phương án quản lý, khai thác sử dụng:	17
PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP BÁO GIÁ THIẾT BỊ Y TẾ.....	19

Số: 03/BC-BVPSN

Quảng Nam, ngày 27 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
DỰ ÁN MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHO BỆNH VIỆN PHỤ SẢN –
NHI TỈNH QUẢNG NAM

Kính gửi:

- HĐND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/ 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 09/2016/TT-BTC về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 39/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Nam về kế hoạch đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam kính trình HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam.
2. Dự án nhóm: B
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Quảng Nam.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Nam.
5. Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam.
6. Tên đơn vị sử dụng: Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam.
7. Địa điểm thực hiện dự án: Bệnh viện Phụ sản - Nhi tỉnh Quảng Nam, Số 46 Lý Thường Kiệt, Phường Hòa Thuận, TP Tam Kỳ, Quảng Nam.
8. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: **60.000.000.000 đồng**. (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng).
9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
10. Tiến độ thực hiện: 2019 - 2021.
11. Hình thức đầu tư của dự án: Nhà nước đầu tư.
12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư:

1.1. Tổng quan về địa điểm đầu tư”

Quảng Nam là một tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam, là vùng đất còn lưu giữ nhiều dấu tích của nền Văn hóa Chăm-pa. Tên gọi Quảng Nam có nghĩa là "mở rộng về phương Nam". Quảng Nam nằm ở chính trung điểm đất nước theo trục Bắc - Nam, là nơi giao hòa của những sắc thái văn hóa giữa hai miền và giao lưu văn hóa với bên ngoài, điều này góp phần làm cho Quảng Nam giàu truyền thống văn hóa, độc đáo về bản sắc văn hóa.

Quảng Nam nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, có các tuyến đường Đông - Tây xuyên Á nối với Lào, Campuchia và Thái Lan, hình thành các điểm trung chuyển và sản xuất hàng hóa thuận lợi cho các thị trường trong khu vực Đông Dương và Đông Nam Á.

Dự án được đầu tư tại Thành phố Tam Kỳ, là trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam. Tam Kỳ từ một thị xã trở thành thành phố trực thuộc tỉnh theo Nghị định số 113/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006. Thành phố Tam Kỳ có trục quốc lộ 1A Bắc - Nam chạy qua, có tuyến đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi là tuyến đường giao thông huyết mạch của quốc gia, bên cạnh đó, thành phố Tam Kỳ còn nằm cạnh khu kinh tế mở Chu Lai (thuộc huyện Núi Thành), là trung tâm kinh tế - công nghiệp lớn của vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung. Thành phố Tam Kỳ là đô thị loại II và đang phấn đấu để trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

1.2. Tổng quan về hiện trạng Bệnh viện Phụ – Sản nhi tỉnh Quảng Nam

Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tổ chức lại Bệnh viện Nhi tỉnh Quảng Nam và sát nhập khoa Sản của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam, hình thành một bệnh viện chuyên sâu về Sản – Nhi.

Bệnh viện có 04 phòng chức năng, 08 khoa lâm sàng và cận lâm sàng với đội ngũ 160 cán bộ bác sỹ, nhân viên và công suất giường bệnh hiện trạng là 220 giường. Các công trình hạng mục hiện trạng gồm có:

- Khối cấp cứu - hành chính, Khối nhà bệnh nhân số 1, số 2, số 3 (nhà 01 tầng); Nhà giặt là (nhà 01 tầng); Khối kỹ thuật (nhà 03 tầng); Các hạng mục phụ trợ gồm có Nhà đại thể; Nhà thường trực; Nhà để xe CBCNV; Khu xử lý nước thải; Đường dây và trạm biến áp; Đài nước; Sân vườn; Hành lang nổi; Đường nội bộ; Tường rào - cổng ngõ.

- Hiện tại Bệnh viện chỉ có 01 phòng mổ được xây dựng từ năm 2009, với kết cấu nền – tường ốp gạch men, sử dụng hệ thống oxy bình xe đẩy, chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn về chống nhiễm khuẩn cho phòng mổ.

- Dự kiến trong năm 2019 sẽ đưa vào sử dụng khối Nhi (8 tầng), khối Sản (6 tầng), khối kỹ thuật nghiệp vụ (4 tầng) trong đó có 03 phòng mổ sản và 02 phòng mổ nhi, tuy nhiên các phòng mổ này chưa được trang bị hệ thống nội thất và các thiết bị phòng mổ do dự án xây dựng thiếu kinh phí nên chưa được đầu tư.

Hình 1: Phòng mổ hiện tại tại Bệnh viện Nhi



Hình 2: Phòng mổ của Khối Sản – Nhi, Khu KTNV mới



- Trang thiết bị y tế hiện có của bệnh viện:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng
1.	Bàn kéo nén xương	Cái	01	Năm 2006
2.	Bàn mổ đa năng	Cái	01	Năm 2009

3.	Bộ đặt nội khí quản Nhi	Bộ	03	Năm 2014-2016
4.	Bộ dụng cụ đại phẫu Nhi	Bộ	01	Năm 2009
5.	Bộ dụng cụ trung phẫu Nhi	Bộ	01	Năm 2009
6.	Bộ khám tai, mũi, họng	Bộ	01	Năm 2006
7.	Bơm tiêm điện	Cái	40	Năm 2011-2014: 18 cái
8.	Dao mổ điện cao tần	Cái	01	Năm 2014
9.	Đầu chuyển đổi X-quang kỹ thuật số	Hệ thống	01	Năm 2017
10.	Đèn chiếu vàng da	Cái	08	Năm 2009-2012: 3 cái
11.	Đèn mổ	Cái	01	Năm 2009
12.	Ghế nha	Cái	02	Năm 2004: 01 cái
13.	Giường nhi có bánh xe	Cái	03	Năm 2014
14.	Giường sơ sinh	Cái	09	Năm 2012: 2 cái Năm 2014: 7 cái
15.	Giường sưởi nhi	Cái	10	Năm 2017
16.	Hệ thống CPAP	Cái	03	Năm 2006: 1 cái Năm 2009: 2 cái
17.	Hệ thống NCPAP 2 giường	Cái	01	Năm 2008: 2 cái
18.	Kính hiển vi	Cái	03	Năm 2008: 2 cái
19.	Lồng ấp sơ sinh	Cái	06	Năm 2012-2014: 3 cái Năm 2016 : 3 cái
20.	Máy chụp phim tại giường	Cái	01	Năm 2004
21.	Máy chụp phim X-Quang	Cái	01	Năm 2004
22.	Máy chụp phim X-Quang di động	Cái	01	Năm 2015
23.	Máy điện giải đồ	Cái	01	Năm 2006
24.	Máy điện tim 3 kênh	Cái	01	Năm 2015

25.	Máy đo điện tim	Cái	01	Năm 2004
26.	Máy đo độ bão hòa	Cái	15	Năm 2017
27.	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Cái	02	Năm 2013
28.	Máy lắ máu	Cái	01	Năm 2006
29.	Máy ly tâm	Cái	02	Năm 2017
30.	Máy phân tích nước tiểu	Cái	01	Năm 2014
31.	Máy rửa phim X-Quang	Cái	01	Năm 2016
32.	Máy siêu âm	Cái	02	Năm 2004
33.	Máy siêu âm đen trắng xách tay 02 đầu dò	Cái	02	Năm 2017
34.	Máy siêu âm màu 3D 02 đầu dò	Cái	2	Năm 2018
35.	Máy siêu âm doppler màu	Cái	01	Năm 2012
36.	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Cái	03	Năm 2008: 1 cái Năm 2012: 1 cái Năm 2013: 1 cái
37.	Máy thở	Cái	07	Năm 2011-2014: 03 cái
38.	Máy hút dịch	Cái	01	Năm 2008
39.	Máy truyền dịch	Cái	24	Năm 2006-2008: 2 cái
40.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	11	Năm 2012 : 3 cái Năm 2013 : 4 cái Năm 2014 : 1 cái Năm 2016 : 3 cái
41.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Cái	02	Năm 2016
42.	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	Cái	01	Năm 2009

43.	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	04	Năm 2009-2013: 2 cái
44.	Tủ ấm	Cái	01	Năm 2013
45.	Tủ ấm nuôi cấy kỵ khí CO ₂	Cái	01	Năm 2015
46.	Tủ an toàn sinh hoạt	Cái	01	Năm 2015
47.	Tủ lạnh trữ máu	Cái	01	Năm 2006
48.	Tủ sấy tiệt trùng	Cái	01	Năm 2013

- Với sự đầu tư nhiều năm của Trung ương và địa phương từ các nguồn TPCP, ngân sách địa phương và nguồn quỹ đầu tư phát triển của đơn vị, với các trang thiết bị hiện có, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu nhiệm vụ. Tuy nhiên do được đầu tư đã lâu, nhiều thiết bị đã sử dụng lâu năm, xuống cấp, hư hỏng không sử dụng được. Đồng thời do thời gian đầu tư kéo dài nên các thiết bị thiếu tính đồng bộ, một số máy sử dụng kỹ thuật công nghệ cao đến nay đã lạc hậu không còn phù hợp với nhu cầu sử dụng, khám và điều trị cho bệnh nhân.

- Dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Sản – Nhi Quảng Nam chỉ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, không có hạng mục đầu tư thiết bị y tế nên sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, các phòng mổ của khối nhi và khối sản do chưa được trang nội thất phòng mổ, các thiết bị phòng mổ theo các quy định, tiêu chuẩn của Bộ Y tế, phải để trống chưa đưa vào sử dụng được.

1.3. Sự cần thiết phải đầu tư:

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Bộ Y tế, sự ủng hộ của các sở, ban, ngành, với sự nỗ lực cố gắng vươn lên của tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức của Ngành Y tế nói chung và của Bệnh viện Phụ Sản – Nhi nói riêng, công tác khám bệnh, chữa bệnh được coi trọng từng bước đổi mới và chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên.

Các chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ngày càng được hoàn thiện, bệnh nhi sơ sinh và bệnh nhi dưới 6 tuổi tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn và được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng thuận lợi hơn. Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đã đạt được, công tác khám bệnh, chữa bệnh cũng còn nhiều tồn tại và không ít khó khăn, bất cập cần phải khắc phục. Nguồn lực đầu tư cho y tế tuy có tăng hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trước nhu cầu khám chữa bệnh của trẻ em trên toàn tỉnh.

Hiện nay ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước, việc sáp nhập điều trị chuyên sâu về Sản khoa và Nhi khoa đã được thực hiện và đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho trẻ em, nhất là trẻ sơ sinh. Tình trạng trẻ sơ sinh non tháng hoặc sơ sinh mắc bệnh lý khi được chuyển từ Sản khoa của các cơ sở khác về Bệnh viện Nhi sẽ mất nhiều thời gian về thủ tục, vận chuyển, thậm chí sẽ nguy hiểm đến tính mạng

khi không được xử lý kịp thời. Hơn nữa, việc sáp nhập Sản - Nhi cũng đặt ra nhu cầu đầu tư trang thiết bị y tế chuyên khoa về Sản, xử lý kịp thời và điều trị tốt các ca sinh khó, nguy hiểm đến tính mạng của người mẹ và em bé, đáp ứng nhu cầu khám và điều trị các trường hợp hiếm muộn,... Tạo điều kiện tốt nhất cho người bệnh khi đến khám và điều trị.

Đồng thời, trong những năm gần đây tình trạng quá tải của bệnh viện trở nên ngày một tăng, người bệnh điều trị nội trú phải nằm ghép đôi, thậm chí 3 người trên một giường bệnh. Việc giải quyết tình trạng quá tải này đã trở thành mối quan tâm của toàn xã hội và là một trong những ưu tiên của ngành y tế.

Để giải quyết vấn đề đó, UBND tỉnh đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam với tổng mức đầu tư: **150.273.796.000 đồng**. Công trình dự kiến sẽ hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong quý III năm 2019. Theo quy mô dự án được phê duyệt, dự án được đầu tư xây dựng khối sản, khối nhi, khối kỹ thuật nghiệp vụ, hệ thống thang máy và các thiết bị phụ trợ với quy mô 300 giường bệnh.

Tuy nhiên dự án Nâng cấp bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam chỉ có cấu phần xây dựng, không đầu tư mua sắm trang thiết bị Y tế nên khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì hai khối nhà mới không có thiết bị y tế, phải điều chuyển một phần thiết bị từ khối nhà cũ sang để sử dụng.

Hiện nay các thiết bị y tế hiện có của Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Quảng Nam chủ yếu là các thiết bị chuyên khoa Nhi được trang bị từ năm 2004 từ nguồn tài trợ của tổ chức KOICA và từ nguồn TPCP giai đoạn 2009-2015, riêng thiết bị chuyên khoa Sản chưa có do việc sát nhập chỉ điều chuyển nhân lực của Khoa Sản Bệnh viện Đa khoa tỉnh sang mà không có thiết bị đi kèm. Do đầu tư đã lâu, đến nay hầu hết các trang thiết bị này đã cũ, hư hỏng không sử dụng được. Đồng thời do thời gian đầu tư kéo dài nên các thiết bị thiếu tính đồng bộ, một số máy sử dụng kỹ thuật công nghệ cao đến nay đã lạc hậu không còn phù hợp với nhu cầu sử dụng, khám và điều trị cho bệnh nhân. Mặc dù những năm gần đây, nhờ được sự quan tâm của các cấp, bệnh viện đã được đầu tư mua sắm thêm một số thiết bị y tế tuy nhiên do hạn chế về kinh phí nên vẫn còn thiếu nhiều thiết bị chuyên dụng, chưa đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh cho người dân, đặc biệt là các bệnh nhi, trẻ sơ sinh. Với các thiết bị hiện có của bệnh viện sẽ không đủ trang bị cho các phòng chức năng, đặc biệt là khu mổ, hệ thống khí y tế. Khi công trình đi vào hoạt động sẽ không sử dụng hết các phòng chức năng theo thiết kế, không đảm bảo sự vận hành của bệnh viện sẽ gây lãng phí đầu tư, không phát huy hết hiệu quả đầu tư của dự án. Đồng thời sau khi sát nhập, Bệnh viện Phụ sản – Nhi là bệnh viện hạng II với quy mô 450 giường bệnh, tăng gần gấp 2,5 lần so với lúc chưa sát nhập (giường kế hoạch năm 2018 là 170 giường). Vì vậy nhu cầu đầu tư thiết bị Y tế cho dự án là rất cấp thiết.

2. Mục tiêu, quy mô địa điểm, phạm vi đầu tư:

2.1. Mục tiêu:

a. Mục tiêu cấp bách: Đầu tư mua sắm mới các trang thiết bị y tế, nội thất phòng mổ, đảm bảo tính tiên tiến hiện đại, phù hợp với nhu cầu, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế cho bệnh viện Phụ Sản - Nhi Quảng Nam để kịp thời đưa các phòng mổ vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu về điều kiện cơ sở vật chất đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho nhân dân trong địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

b. Mục tiêu lâu dài: Xây dựng Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Quảng Nam đạt tiêu chuẩn Bệnh viện đa khoa hạng II cơ cấu 450 giường bệnh, có cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị hiện đại. Từng bước đổi mới, đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân trong toàn tỉnh về sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nhất là trẻ sơ sinh.

2.2. Quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

2.2.1 Địa điểm và phạm vi đầu tư:

a) Địa điểm đầu tư: Bệnh viện Phụ sản - Nhi tỉnh Quảng Nam, Số 46 Lý Thường Kiệt, Phường Hòa Thuận, TP Tam Kỳ, Quảng Nam.

b) Phạm vi đầu tư:

b1) Hệ thống nội thất phòng mổ:

- Phòng mổ dùng giải pháp module, chiều cao thông thủy từ sàn tới trần: 3m.
- Bề mặt phòng mổ phải kháng khuẩn, dễ chùi rửa vệ sinh.
- Tối ưu hóa không gian làm việc trong phòng mổ, bàn mổ nên bố trí theo chiều dài của phòng, các tủ dụng cụ nên để âm tường.
- Thiết kế linh hoạt, thẩm mỹ, thân thiện giúp giảm căng thẳng cho bệnh nhân và nhân viên y tế với các ca mổ phức tạp và kéo dài.
- Vật liệu sử dụng: có độ bền cao, khả năng cách âm, cách nhiệt, chịu lực chống biến dạng trầy xước tốt, an toàn cháy nổ, chịu hóa chất ăn mòn và dễ kết hợp với vật liệu khác.
- Dễ tương thích với hệ thống cơ điện khác trong phòng mổ
- Thi công lắp đặt nhanh chóng, dễ bảo trì sửa chữa hay nâng cấp trong tương lai
- Hệ vách, trần, cửa các phòng mổ đảm bảo kín khít, giữ áp lực phòng tiêu chuẩn, giảm nguy cơ phát tán hay xâm nhập của vi khuẩn.
- Cửa: Nên tối thiểu 02 cửa, cửa chính đẩy cánh bệnh nhân chiều rộng thông thủy tối thiểu 1.6x2.1m, cửa phụ thông thủy 1.0x2.1m. Cửa vào cho bác sĩ nên là cửa tự động.
- Sàn: Cần phẳng, nhẵn chống trơn trượt, chống tĩnh điện và là loại chuyên dụng cho y tế.

- Hệ thống điện phải được ưu tiên, có nguồn dự phòng, chống tĩnh điện, có đầy đủ tiếp địa. Toàn bộ hệ thống dây điện phải được bảo vệ chống chuột, côn trùng.

- Đèn chiếu sáng: là các đèn led panel ánh sáng đều, chống chói sáng, được lắp đặt với hệ trần bằng hệ nối ghép đồng bộ. Độ rọi đảm bảo tiêu chuẩn 1000lux.

- Hệ thống khí sạch phòng mổ: đảm bảo phòng mổ là không gian vô khuẩn tuyệt đối với độ ẩm, độ sạch, nhiệt độ, áp suất, độ bụi, độ ồn, số lần luân chuyển không khí theo tiêu chuẩn. Không gian trên bàn mổ nên là trường gió theo lớp tránh sự nhâm nhập vi khuẩn, tế bào chết.



Hình 3: Hình minh họa giải pháp thiết kế hệ thống nội thất phòng mổ
b2) Thiết bị y tế:

Đầu tư các thiết bị y tế phòng mổ phù hợp với quy định của Bộ Y tế, phù hợp với công năng và nhu cầu sử dụng của bệnh viện:

- Hệ thống tay treo máy gây mê và thiết bị phẫu thuật
- Đèn mổ treo trần 2 nhánh 160.000 lux
- Đèn mổ treo trần 2 chóa 160.000 lux có màn hình y tế chuyên dụng
- Bàn mổ đa năng điện thủy lực
- Bàn mổ sản khoa điện thủy lực
- Bồn rửa tay cho phẫu thuật viên

- Máy gây mê kèm thở có 6 Mode thở có chức năng theo dõi nồng độ khí mê và điểm MAC

- Monitor 6 thông số
- Monitor phòng mổ có đo độ mê sâu (Entropy)
- Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, sản phụ khoa full HD
- Dao mổ điện cao tần cao cấp
- Máy hàn mạch tích hợp dao mổ điện cao tần
- Máy siêu âm gây tê
- Bộ đặt nội khí quản khó có camera
- Máy hút dịch phẫu thuật di động
- Máy làm ấm máu, dịch truyền
- Máy phun khử trùng bề mặt và không khí
- Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa
- Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa
- Bộ dụng cụ kế hoạch hóa gia đình
- Bộ dụng cụ cắt tử cung
- Bộ dụng cụ thông niệu đạo nữ
- Bộ dụng cụ nạo thai
- Bộ dụng cụ mổ lấy thai
- Bộ dụng cụ cắt tử cung bán phần

2.2.2 Quy mô đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1.	Thiết bị nội thất phòng mổ module: Hệ thống khung, vách panel, trần, sàn vinyl, cửa, Bộ điều hướng cấp khí sạch phòng mổ Laminar flow,..	gói	5	4.200.000.000	21.000.000.000
2.	Hệ thống tay treo máy gây mê và thiết bị phẫu thuật	hệ thống	5	1.500.000.000	7.500.000.000
3.	Đèn mổ treo trần 2 nhánh 160.000 lux	hệ thống	3	1.000.000.000	3.000.000.000
4.	Đèn mổ treo trần 2 chóa 160.000 lux có màn hình y tế chuyên dụng	hệ thống	2	1.800.000.000	3.600.000.000
5.	Bàn mổ đa năng điện thủy lực	hệ thống	2	800.000.000	1.600.000.000
6.	Bàn mổ sản khoa điện thủy lực	hệ thống	3	900.000.000	2.700.000.000
7.	Bồn rửa tay cho phẫu thuật viên	hệ thống	5	250.000.000	1.250.000.000

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
8.	Máy gây mê kèm thở có 6 Mode thở có chức năng theo dõi nồng độ khí mê và điểm MAC	cái	2	1.300.000.000	2.600.000.000
9.	Monitor 6 thông số	cái	1	200.000.000	200.000.000
10.	Monitor phòng mổ có đo độ mê sâu (Entropy)	cái	2	350.000.000	700.000.000
11.	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, sản phụ khoa full HD (Đã bao gồm bộ dụng cụ)	hệ thống	1	5.800.000.000	5.800.000.000
12.	Dao mổ điện cao tần cao cấp	cái	3	400.000.000	1.200.000.000
13.	Máy hàn mạch tích hợp dao mổ điện cao tần	cái	1	1.600.000.000	1.600.000.000
14.	Máy siêu âm gây tê	cái	1	700.000.000	700.000.000
15.	Bộ đặt nội khí quản khó có camera	bộ	1	250.000.000	250.000.000
16.	Máy hút dịch phẫu thuật di động	cái	6	50.000.000	300.000.000
17.	Máy làm ấm máu, dịch truyền	cái	3	90.000.000	270.000.000
18.	Máy phun khử trùng bề mặt và không khí	cái	3	220.000.000	660.000.000
19.	Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa	bộ	2	80.000.000	160.000.000
20.	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa	bộ	1	580.000.000	580.000.000
21.	Bộ dụng cụ kế hoạch hóa gia đình	bộ	2	200.000.000	400.000.000
22.	Bộ dụng cụ cắt tử cung	bộ	1	430.000.000	430.000.000
23.	Bộ dụng cụ thông niệu đạo nữ	bộ	2	80.000.000	160.000.000
24.	Bộ dụng cụ nạo thai	bộ	2	200.000.000	400.000.000
25.	Bộ dụng cụ mổ lấy thai	bộ	2	400.000.000	800.000.000
26.	Bộ dụng cụ cắt tử cung bán phần	bộ	1	380.000.000	380.000.000
TỔNG CỘNG			62		58.240.000.000

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cơ cấu nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

3.1. Cơ sở lập tổng mức đầu tư:

- Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về

việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

- Các báo giá tham khảo khác;

3.2. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

Tổng mức đầu tư: **60.000.000.000 đồng.**

Trong đó:

+ Chi phí thiết bị : 58.240.000.000 đồng.

+ Chi phí QLDA : 253.938.000 đồng.

+ Chi phí tư vấn đầu tư : 973.013.000 đồng.

+ Chi phí khác : 533.049.000 đồng.

+ Chi phí dự phòng : 0 đồng.

Bảng dự trừ kinh phí đầu tư

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI CÁCH TÍNH	CHI PHÍ SAU THUẾ (GXDST)
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	G_{TB}		58.240.000.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}	G_{TB}/1,1 * 2,424% * 0,2	253.938.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV}	k1+...+k4	<u>973.013.000</u>
1	Chi phí lập dự án	k1	$G_{TB}/1,1 * 0,727% * 1,1$	443.735.000
2	Chi phí thẩm định giá thiết bị	k2	$G_{TB} /1,1 * 0,12% * 1,1$	73.216.000
3	Chi phí lập HSMT thiết bị	k3	$G_{TB} /1,1 * 0,174% * 1,1$	105.898.000
4	Chi phí giám sát thi công lắp đặt thiết bị	k4	$G_{TB} /1,1 * 0,574% * 1,1$	350.164.000
IV	CHI PHÍ KHÁC	G_K	k1+...+k4	<u>533.049.000</u>
1	Chi phí kiểm toán	k1	$G_{TC} * 0,715% * 1,1 * 0,7$	330.409.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn	k2	$G_{TC} * 0,455% * 1,0 * 0,5$	136.538.000
3	Lệ phí thẩm định dự án	k3	$G_{TC} * 0,015% * 1,0$	8.702.000
4	Lệ phí thẩm định dự toán	k4	$G_{TB} * 0,001% * 1,0$	57.400.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}		0
	TỔNG CỘNG	G_{TC}	G_{TB}+G_{QLDA}+G_K+G_{DP}	60.000.000.000

3.3. Nguồn vốn cho dự án: Nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3.4. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công:

Theo kế hoạch trung hạn 2016-2020 và kế hoạch vốn năm 2019 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 06/12/2018, nguồn vốn bố trí cho dự án dự kiến như sau:

Năm	Nguồn vốn NSDP	Nguồn vốn khác
- Năm 2019	30.000.000.000	0
- Năm 2020 -2021	30.000.000.000	0
Tổng cộng	60.000.000.000	0

4. Tiến độ thực hiện và khả năng huy động các nguồn lực.

4.1. Tiến độ thực hiện:

a. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Tháng 07-09/2019: Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Tháng 10/2019: Lập dự án đầu tư, trình thẩm định và phê duyệt dự án.

b. Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Tháng 11/2019: Trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn các nhà thầu.

- Tháng 12/2019- 01/2020: Triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu.

- Tháng 02-08/2020: Cung cấp và lắp đặt thiết bị.

c. Giai đoạn kết thúc đầu tư:

- Tháng 09/2020: Bàn giao thiết bị đưa vào vận hành sử dụng.

- Quý IV/2020: Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án.

- Quý I/2021: Quyết toán dự án, Thanh toán nợ khối lượng còn lại sau quyết toán (nếu có).

4.2. Khả năng huy động các nguồn lực: Thực hiện theo sự phân công quản lý của nhà nước đối với các dự án từ nguồn vốn ngân sách Tỉnh, ngân sách nhà nước.

5. Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

5.1. Chi phí quản lý:

Chi phí quản lý dự án được trích từ chi phí tổng của dự án. Qua việc quản lý dự án kích thích cho nhu cầu làm việc, nâng cao tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của Ban quản lý dự án, nhất là những cán bộ trực tiếp điều hành dự án.

5.2. Chi phí điện nước:

Chi phí điện, nước sử dụng từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của bệnh viện

5.3. Chi phí bảo trì, bảo dưỡng: Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo quy định hiện hành của nhà nước và hợp đồng cung cấp thiết bị đã ký kết của dự án

6. Tác động về môi trường, xã hội, hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội:

6.1. Tác động về môi trường, xã hội:

- Mục tiêu của dự án là mua sắm trang thiết bị y tế cho bệnh viện Phụ Sản Nhi nên không gây ảnh hưởng tác động đến môi trường xung quanh.

- Việc đầu tư mua sắm mới các trang thiết bị y tế, nội thất phòng mổ, đảm bảo tính tiên tiến hiện đại, phù hợp với nhu cầu, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế cho bệnh viện Phụ Sản - Nhi Quảng Nam sẽ kịp thời đưa các phòng mổ vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu về điều kiện cơ sở vật chất đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho nhân dân trong địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

6.2. Hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội:

- Dự án đầu tư Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam góp phần hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng, đưa khu mổ của Khoa Sản và Khoa Nhi vào hoạt động kịp thời, tạo điều kiện cho việc phục vụ tốt hơn cho việc khám chữa bệnh cho người dân, giúp người dân có thể tiếp cận các công nghệ thiết bị hiện đại, rút ngắn thời gian chờ đợi, tăng sự hài lòng của người bệnh, phát huy tối đa hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng.

- Xây dựng Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Quảng Nam đạt tiêu chuẩn Bệnh viện đa khoa hạng II cơ cấu 450 giường bệnh, có cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị hiện đại. Từng bước đổi mới, đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân trong toàn tỉnh về sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nhất là trẻ sơ sinh.

7. Giải pháp tổ chức thực hiện:

7.1. Phương thức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Quảng Nam.

- Cơ quan quản lý khai thác sử dụng: Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Quảng Nam

- Hình thức quản lý dự án : Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

7.2. Phương án quản lý, khai thác sử dụng:

Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm:

+ Quản lý, tổ chức thực hiện từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư.

+ Tổ chức thực hiện đấu thầu gói thầu mua sắm thiết bị theo quy định.

+ Chuẩn bị nhân lực tiếp quản trang thiết bị, phối hợp giám sát lắp đặt, nhận chuyển giao kỹ thuật.

+ Chuẩn bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp để tiếp quản, vận hành khai thác trang thiết bị (mặt bằng, điện, nước cấp, nước thải, an toàn điện, cháy nổ ...).

+ Xây dựng lý lịch máy, qui trình vận hành, bảo quản, bảo trì cho từng thiết bị.

+ Có kế hoạch mua sắm phù hợp cho hóa chất - vật tư tiêu hao sử dụng cho thiết bị mới được mua sắm.

III. Kết luận và kiến nghị:

Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam kính trình HĐND, UBND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam nhằm sớm triển khai thực hiện các bước tiếp

theo sớm đầu tư dự án đưa vào khai thác sử dụng phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; TCHC; TCKT.

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC HÙNG SƠN

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP BÁO GIÁ THIẾT BỊ Y TẾ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHO BỆNH VIỆN PHỤ SẢN – NHÌ TỈNH QUẢNG NAM
GIAI ĐOẠN 2019-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ/ĐƠN VỊ BÁO GIÁ						GHI CHÚ
				CÔNG TY TNHH TM&TBYT ÁNH DƯƠNG		CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDICAL		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VM		
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
1.	Thiết bị nội thất phòng mổ module: Hệ thống khung, vách panel, trần, sàn vinyl, cửa, Bộ điều hướng cấp khí sạch phòng mổ Laminar flow,...	Gói	5	4.200	21.000	4.500	22.500	4.400	22.000	
2.	Hệ thống tay treo máy gây mê và thiết bị phẫu thuật	Hệ thống	5	1.500	7.500	1.600	8.000	1.700	8.500	
3.	Đèn mổ treo trần 2 nhánh 160.000 lux	Hệ thống	3	1.300	3.900	1.250	3.750	1.000	3.000	
4.	Đèn mổ treo trần 2 chóa 160.000 lux có màn hình y tế chuyên dụng	Hệ thống	2	2.100	4.200	2.000	4.000	1.800	3.600	
5.	Bàn mổ đa năng điện thủy lực	Hệ thống	2	800	1.600	900	1.800	1.000	2.000	
6.	Bàn mổ sản khoa điện thủy lực	Hệ thống	3	900	2.700	1.000	3.000	1.150	3.450	
7.	Bồn rửa tay cho phẫu thuật viên	Hệ thống	5	250	1.250	265	1.325	280	1.400	
8.	Máy gây mê kèm thở có 6 Mode thở có chức năng theo dõi nồng độ khí mê và	Cái	2	1.300	2.600	1.450	2.900	1.500	3.000	

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ/ĐƠN VỊ BÁO GIÁ						GHI CHÚ
				CÔNG TY TNHH TM&TBYT ÁNH DƯƠNG		CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDICAL		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VM		
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
	điểm MAC									
9.	Monitor 6 thông số	Cái	1	200	200	215	215	220	220	
10.	Monitor phòng mổ có đo độ mê sâu (Entropy)	Cái	2	350	700	375	750	385	770	
11.	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, sản phụ khoa full HD (Đã bao gồm bộ dụng cụ)	Hệ thống	1	6.000	6.000	6.150	6.150	5.800	5.800	
12.	Dao mổ điện cao tần cao cấp	Cái	3	430	1.290	455	1.365	400	1.200	
13.	Máy hàn mạch tích hợp dao mổ điện cao tần	Cái	1	1.700	1.700	1.850	1.850	1.600	1.600	
14.	Máy siêu âm gáy tê	Cái	1	700	700	1.000	1.000	900	900	
15.	Bộ đặt nội khí quản khó có camera	Bộ	1	280	280	290	290	250	250	
16.	Máy hút dịch phẫu thuật di động	Cái	6	70	420	95	570	50	300	
17.	Máy làm ấm máu, dịch truyền	Cái	3	90	270	95	285	105	315	
18.	Máy phun khử trùng bề mặt và không khí	Cái	3	220	660	230	690	245	735	
19.	Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa	Bộ	2	100	200	80	160	85	170	
20.	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa	Bộ	1	620	620	580	580	600	600	
21.	Bộ dụng cụ kế hoạch hóa gia đình	Bộ	2	230	460	200	400	215	430	
22.	Bộ dụng cụ cắt tử cung	Bộ	1	450	450	430	430	445	445	
23.	Bộ dụng cụ thông niệu đạo	Bộ	2	100	200	80	160	97	194	

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ/ĐƠN VỊ BÁO GIÁ						GHI CHÚ
				CÔNG TY TNHH TM&TBYT ÁNH DƯƠNG		CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDICAL		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VM		
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
	nữ									
24.	Bộ dụng cụ nạo thai	Bộ	2	230	460	200	400	220	440	
25.	Bộ dụng cụ mổ lấy thai	Bộ	2	430	860	400	800	425	850	
26.	Bộ dụng cụ cắt tử cung bán phần	Bộ	1	410	410	380	380	395	395	

